

**Phụ lục 01: ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 VÀ
NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2023				Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân 6 tháng đầu năm	Ước giải ngân 9 tháng đầu năm	Ước giải ngân năm 2023		
	TỔNG SỐ	6.193.324	2.169.789	4.647.493	5.965.042	5.048.067	
1	Vốn NSNN	6.183.324	2.159.789	4.637.493	5.955.042	5.048.067	
a)	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	2.694.091	1.234.673	2.020.568	2.694.091	2.982.934	
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, xổ số và bội chi)	626.491	138.534	469.868	626.491	1.155.334	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.800.000	1.061.206	1.350.000	1.800.000	1.600.000	
-	Xổ số kiến thiết	10.000	-	7.500	10.000	14.000	
-	Bội chi ngân sách địa phương	257.600	34.933	193.200	257.600	213.600	
b)	Vốn ngân sách trung ương	3.489.233	925.116	2.616.925	3.260.951	2.065.133	
-	Vốn trong nước	2.912.630	884.564	2.184.473	2.748.415	1.528.600	
	<i>Trong đó: Từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>	<i>810.000</i>		<i>247.524</i>	<i>505.400</i>		
-	Vốn nước ngoài	576.603	40.552	432.452	512.536	536.533	
2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật	10.000	10.000	10.000	10.000	-	

Phụ lục 02: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2024			Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023											
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
							Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước			
	TỔNG SỐ		13.882.483	11.724.281	1.120.075	1.070.075	7.128.639	6.786.827	8.623.407	4.210.707	6.652.557	4.210.706	1.921.748	1.141.490	-	
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		170.000	137.700	20.000	20.000	36.070	35.000	137.700	-	35.000	-	74.500	60.000	-	
a	Danh mục dự án khởi công mới năm 2024															
1	Đầu tư xây dựng Trường nghề chất lượng cao, Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh	254/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	90.000	72.700	-	-	570	-	72.700		-		30.000	30.000		
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024															
1	Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh (giai đoạn 2)	1078; 25/5/2022	80.000	65.000	20.000	20.000	35.500	35.000	65.000		35.000		44.500	30.000		
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		230.000	175.000	41.698	41.698	87.678	86.406	175.000	-	86.406	-	134.742	85.302	-	
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024															
1	Dự án Trung tâm Sản nhi tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	1008; 13/5/2022	170.000	120.000	26.698	26.698	57.258	56.698	120.000		56.698		112.742	63.302		
2	Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Tĩnh (giai đoạn 2)	572; 14/3/2022	60.000	55.000	15.000	15.000	30.420	29.708	55.000		29.708		22.000	22.000		
III	VĂN HÓA		170.959	66.996	9.000	9.000	89.758	66.996	30.000	-	30.000	-	-	-	-	
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023															
1	Tu bổ, tôn tạo các di tích gốc và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Đại thi hào Nguyễn Du, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 1)	3161/QĐ-UBND; 31/10/2017; 2798/QĐ-UBND; 05/8/2021	170.959	66.996	9.000	9.000	89.758	66.996	30.000		30.000					

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2024			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023											
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước				
IV	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN		1.036.548	750.000	75.000	75.000	176.355	165.000	690.000	-	105.000	-	375.000	275.000	-	
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024															
1	Xử lý cấp bách đê tả Nghèn, huyện Lộc Hà	3235; 24/9/2021	182.290	120.000	25.000	25.000	117.355	115.000	60.000		55.000		5.000	5.000		
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024															
1	Dự án âu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Khẩu, thị xã Kỳ Anh, Giai đoạn 2	2748; 30/12/2022	120.000	70.000	50.000	50.000	52.000	50.000	70.000		50.000		20.000	20.000		
c	Danh mục dự án khởi công mới năm 2024															
1	Hệ thống tiêu thoát lũ, chống ngập úng khu vực Trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh và vùng phụ cận	16/NQ-HĐND; 17/7/2021	484.258	360.000	-	-	3.000	-	360.000		-		200.000	150.000		
2	Dự án Hệ thống tiêu úng các xã trọng điểm sản xuất nông nghiệp huyện Đức Thọ, huyện Can Lộc và Thị xã Hồng Lĩnh	16/NQ-HĐND; 17/7/2021	250.000	200.000			4.000		200.000		-		150.000	100.000		
V	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ		7.866.263	7.641.543	162.000	162.000	4.580.459	4.561.371	4.740.707	4.210.707	4.549.097	4.210.706	312.530	163.700	-	
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023															
1	Bồi thường GPMB, tái định cư DA Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương, Hà Tĩnh	2925/QĐ-UBND, 20/10/2008; 683/QĐ-UBND, 10/3/2013	7.096.543	7.096.543			4.207.706	4.207.707	4.210.707	4.210.707	4.210.706	4.210.706				
b	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024															
1	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên	2809; 05/8/2021	80.000	65.000	25.000	25.000	66.300	50.491	65.000		50.491		13.700	13.700		
c	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023															
1	Dự án Đường vành đai phía Nam Khu kinh tế Vũng Áng	756; 12/4/2022	450.520	295.000	95.000	95.000	171.560	170.000	295.000		170.000		255.000	125.000		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2024			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023											
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2023							
							Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước			
2	Hạ tầng ngoài hàng rào cụm công nghiệp Thạch Bàng, huyện Lộc Hà	3560; 27/10/2021	84.200	65.000	22.000	22.000	65.370	65.000	65.000		65.000		18.830			
3	Dự án Đường nối Quốc lộ 8A - Cụm Công nghiệp Thái Yên - Quốc lộ 15A, huyện Đức Thọ	952; 09/5/2022	85.000	70.000	20.000	20.000	38.850	37.500	70.000		37.500		25.000	25.000		
VI	GIAO THÔNG		2.594.716	1.645.000	629.377	579.377	1.301.855	1.221.982	1.630.000	-	1.201.982	-	608.454	347.560	-	
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023															
1	Đường vào các xã Hà Linh, Hương Thủy, Hương Giang, Lộc Yên, Hương Đô và Phúc Trạch, huyện Hương Khê (đoạn K15+642,72 đến K25+252,86)	2941/QĐ-UBND, 19/10/2016; 2304/QĐ-UBND, 31/7/2020, 2798/QĐ-UBND; 05/8/2021	100.725	80.000	5.000	5.000	98.823	85.000	65.000		65.000					
b	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024															
1	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Lộc Yên - Đường Hồ Chí Minh (đoạn từ Km39+030 - Km47+830)	2926; 17/8/2021	266.000	200.000	60.000	60.000	162.610	160.000	200.000		160.000		40.000	40.000		
2	Dự án cải tạo mặt đường, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đường Quang Trung đoạn từ đường Nguyễn Huy Lung đến cầu Hộ Độ và bổ sung 01 đơn nguyên cầu Hộ Độ	2781; 03/8/2021	157.000	110.000	4.377	4.377	112.600	110.000	110.000		110.000					
c	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024															
1	Dự án nâng cấp, mở rộng đường nối Quốc lộ 1 tại ngã ba Thạch Long đi đường tỉnh ĐT.549	3243; 24/9/2021	90.000	75.000	30.000	30.000	76.600	75.000	75.000		75.000		4.000			
2	Dự án Đường thị trấn Nghèn - Đồng Lộc, huyện Can Lộc	2937; 18/8/2021	185.000	120.000	30.000	30.000	121.600	120.000	120.000		120.000		63.400			
3	Đường giao thông liên xã An Hòa Thịnh - Sơn Tiến, huyện Hương Sơn	919; 04/5/2022	140.000	80.000	47.000	47.000	63.400	62.000	80.000		62.000		18.000	18.000		
4	Đường vành đai thị xã Hồng Lĩnh (đoạn từ Quốc lộ 8 đến đường Tiên Sơn)	107; 13/01/2022	150.000	100.000	63.000	63.000	88.540	88.000	100.000		88.000		61.460	12.000		
5	Đường vành đai phía Đông, thành phố Hà Tĩnh	956; 09/5/2022	950.000	450.000	300.000	250.000	409.330	357.440	450.000		357.440		192.560	92.560		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2024			Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023											
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
							Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước			
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cẩm Thạch - Thạch Hội, huyện Cẩm Xuyên	344; 07/02/2022	124.991	100.000	25.000	25.000	54.761	53.801	100.000		53.801		59.034	35.000		
7	Đường giao thông nối từ đường Hồ Chí Minh vào khu vực biên giới xã Hòa Hải, huyện Hương Khê	903; 04/5/2022	185.000	140.000	45.000	45.000	71.200	70.000	140.000		70.000		70.000	70.000		
8	Dự án Đường từ Thị trấn Đức Thọ đến khu lưu niệm Trần Phú, huyện Đức Thọ	684; 31/3/2022	82.000	70.000	20.000	20.000	40.950	40.000	70.000		40.000		20.000	20.000		
d	Dự án khởi công mới năm 2024															
1	Đường trục ngang ven biển huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	731; 07/4/2022	164.000	120.000			1.441	741	120.000		741		80.000	60.000		
VII	DU LỊCH		376.592	308.042	63.000	63.000	172.213	165.072	220.000	-	160.072	-	186.522	59.928	-	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024															
1	Dự án Xây dựng hạ tầng khu du lịch Nam Thiên Cẩm huyện Cẩm Xuyên	857; 26/4/2022	176.042	176.042	25.000	25.000	70.670	65.072	90.000		65.072		105.372	24.928		
2	Hạ tầng khu du lịch biển huyện Lộc Hà	2046; 20/7/2017, 2605; 15/7/2021	62.000	42.000	3.000	3.000	46.143	45.000	40.000		40.000					
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024															
1	Hạ tầng khu du lịch biển Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	827; 21/4/2022	138.550	90.000	35.000	35.000	55.400	55.000	90.000		55.000		81.150	35.000		
VIII	DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM, DỰ ÁN CÓ TÍNH LIÊN KẾT VÙNG, ĐƯỜNG VEN BIỂN		1.437.405	1.000.000	120.000	120.000	684.250	485.000	1.000.000	-	485.000	-	230.000	150.000	-	
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023															
1	Đường trục chính trung tâm nối Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh	755; 12/4/2022	1.437.405	1.000.000	120.000	120.000	684.250	485.000	1.000.000		485.000		230.000	150.000		

Phụ lục 03: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2023				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội				Nhu cầu kế hoạch năm 2024		Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số		Đã giao KHV		Tổng số		Trong đó: Chuẩn bị đầu tư
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư					
													Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư			
TỔNG SỐ			1.019.190	810.000	810.000	810.000	505.400	505.400	813.000	810.000	810.000	-	810.000	-	-		
I	NGÀNH GIAO THÔNG		668.826	500.000	500.000	500.000	300.000	300.000	501.000	500.000	500.000	-	500.000	-	-		
1	Dự án Đường từ Quốc lộ 12C đi khu liên hợp gang thép Formosa, tỉnh Hà Tĩnh	2391; 23/11/2022	668.826	500.000	500.000	500.000	300.000	300.000	501.000	500.000	500.000		500.000	-	-		
II	PHÒNG, CHỐNG SẠT LỎ BỜ SÔNG BỜ BIỂN, ĐẢM BẢO AN TOÀN HỒ CHỨA, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI		85.864	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.500	80.000	80.000	-	80.000	-	-		
1	Kè bảo vệ bờ sông Ngàn sáu đoạn qua xã Hòa Lạc, huyện Đức Thọ	74/NQ-HĐND ngày 23/6/2022	85.864	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.500	80.000	80.000		80.000	-	-		
III	ĐẦU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC Y TẾ DỰ PHÒNG, Y TẾ CƠ SỞ		264.500	230.000	230.000	230.000	125.400	125.400	231.500	230.000	230.000	-	230.000	-	-		
1	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh	87/NQ-HĐND ngày 25/8/2022	193.000	169.000	169.000	169.000	70.500	70.500	170.000	169.000	169.000		169.000				
2	Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo 19 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Hà Tĩnh	87/NQ-HĐND ngày 25/8/2022	71.500	61.000	61.000	61.000	54.900	54.900	61.500	61.000	61.000		61.000				

Phụ lục 04: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2023 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Năm 2023			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú	
		Số quyết định	TMĐT		Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2023 từ 1/1/2023 đến 31/12/2023			Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: Đã giao các năm 2021-2023							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)				
	TỔNG SỐ		5.400.131	1.152.852	4.247.270	542.536	30.000	512.536	3.034.600	155.000	2.879.600	1.424.524	105.000	1.319.524	556.533	20.000	536.533	
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC		5.400.131	1.152.852	4.247.270	542.536	30.000	512.536	3.034.600	155.000	2.879.600	1.424.524	105.000	1.319.524	556.533	20.000	536.533	
I	ĐÔ THỊ		2.800.271	590.616	2.209.647	340.000	-	340.000	1.586.615	-	1.586.615	535.727	-	535.727	475.000	-	475.000	
<i>I</i>	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>																	
(1)	Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh (vay vốn WB)	2791/QĐ-UBND ngày 26/8/2020	1.239.119	283.070	956.040	100.000		100.000	573.624	-	573.624	285.727	-	285.727	120.000		120.000	
(2)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	2455/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	851.897	178.047	673.850	150.000	-	150.000	544.133		544.133	155.000	-	155.000	180.000		180.000	
(3)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	2749/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	709.255	129.499	579.757	90.000	-	90.000	468.858		468.858	95.000	-	95.000	175.000		175.000	
II	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		181.254	28.145	153.109	30.000	-	30.000	121.127	-	121.127	107.060	-	107.060	-	-	-	
<i>I</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024</i>																	
(1)	Dự án "tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Hà Tĩnh"	1190/QĐ-UBND ngày 04/5/2017; QĐ số 4291 ngày 31/12/2021	181.254	28.145	153.109	30.000	-	30.000	121.127		121.127	107.060	-	107.060				
III	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN		963.595	133.413	830.181	75.307	-	75.307	691.777	-	691.777	258.189	-	258.189	-	-	-	
<i>I</i>	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023</i>																	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Năm 2023			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú		
		Số quyết định	TMDT		Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2023 từ 1/1/2023 đến 31/12/2023			Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: Đã giao các năm 2021-2023								
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:						
				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)					
(1)	Dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập, tỉnh Hà Tĩnh (WB8).	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	484.300	25.425	458.875	30.307		30.307	356.748	-	356.748	137.189	-	137.189					
(2)	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (Dự án FMCR) tỉnh Hà Tĩnh	286/QĐ-BNN-HTQT, ngày 21/1/2019	479.295	107.988	371.306	45.000		45.000	335.029		335.029	121.000	-	121.000					
IV	GIAO THÔNG		1.378.583	391.011	987.571	80.000		30.000	50.000	568.319	155.000	413.319	506.319	105.000	401.319	32.000	20.000	12.000	
<i>1</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024</i>																		
(1)	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án BIIG2	562/QĐ-TTg 18/5/2018; 617/QĐ-UBND 28/02/2018; 1366/QĐ-UBND 19/5/2017; 112/NQ-HĐND ngày 06/6/2023	1.378.583	391.011	987.571	80.000		30.000	50.000	568.319	155.000	413.319	506.319	105.000	401.319	32.000	20.000	12.000	
V	Y TẾ		76.429	9.667	66.762	17.229		-	17.229	66.762	-	66.762	17.229	-	17.229	49.533	-	49.533	
<i>1</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024</i>																		
(1)	Dự án Cung cấp thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh sử dụng vốn vay của Chính phủ Hàn Quốc	762/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	76.429	9.667	66.762	17.229		-	17.229	66.762		66.762	17.229	-	17.229	49.533		49.533	

Phụ lục 05: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2024 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Năm 2023						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2024				Ghi chú				
		Kế hoạch			Ước giải ngân từ 01/01/2023 đến 31/12/2023						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Đối ứng NSDP theo quy định	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2021-2023	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:												Tổng số	Trong đó:
			NSTW	Đối ứng NSDP theo quy định		NSTW	Đối ứng NSDP theo quy định												
	TỔNG SỐ	695.425	415.915	279.510	695.425	415.915	279.510	1.277.607	717.056	560.551	914.084	492.924	934.110	367.110	-				
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	593.953	321.953	272.000	593.953	321.953	272.000	1.130.513	580.513	550.000	867.525	473.380	815.000	265.000	-				
a	Chi đầu tư	316.280	266.280	50.000	316.280	266.280	50.000	579.380	473.380	106.000	867.525	473.380	500.000	200.000					
b	Chi thường xuyên	277.673	55.673	222.000	277.673	55.673	222.000	551.133	107.133	444.000			315.000	65.000					
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	86.269	78.759	7.510	86.269	78.759	7.510	123.219	112.668	10.551	12.007	4.697	102.310	85.310	-				
a	Chi đầu tư	3.656	3.656		3.656	3.656		4.697	4.697		12.007	4.697	22.310	5.310					
b	Chi thường xuyên	82.613	75.103	7.510	82.613	75.103	7.510	118.522	107.971	10.551			80.000	80.000					
III	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	15.203	15.203	-	15.203	15.203	-	23.875	23.875	-	34.552	14.847	16.800	16.800	-				
a	Chi đầu tư	8.594	8.594		8.594	8.594		14.847	14.847		34.552	14.847	9.800	9.800					
b	Chi thường xuyên	6.609	6.609		6.609	6.609		9.028	9.028				7.000	7.000					

Phụ lục 06: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022	Đã bố trí kế hoạch năm 2023			
	TỔNG SỐ					7.667.751	1.407.947	1.671.000	1.800.000	1.600.000		
A	Phần huyện, xã hưởng					6.129.385	1.329.385	1.295.401	1.325.415	1.217.973		
B	Phần tỉnh hưởng					1.538.366	78.562	375.599	474.585	382.027		
I	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển đất					100.000	-	50.000	50.000	-		
II	Dự kiến hoàn trả chi phí đầu tư theo đề án phát triển quỹ đất					256.500	16.500	38.500	31.350	60.000		
III	Thực hiện hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất					127.062	27.062	24.099	47.458	25.000		
IV	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					225.000	35.000	50.000	45.000	50.000		
V	Đối ứng kinh phí thực hiện các Đề án đầu tư phát triển					66.892	66.892	54.804	-	12.000	30.000	12.804
1	Các dự án thực hiện Đề án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2026					66.892	66.892	54.804	-	12.000	30.000	12.804
-	Trụ sở làm việc Công an 15 xã, thị trấn tại các huyện Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Nghi Xuân, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh và thị xã Kỳ Anh	7004892	87/NQ-HĐND; 25/8/2022; 1316; 08/6/23	66.892	66.892	54.804	-	12.000	30.000	12.804		
VI	Các dự án quan trọng, cấp bách của địa phương					4.324.025	1.974.278	775.000	-	201.000	270.777	234.223
1	Đường trục chính trung tâm nối Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh	7915943	755; 12/4/2022	1.437.405	437.416	200.000	-	150.000	45.000	5.000		
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 8C đoạn Thiên Cẩm - Quốc lộ 1 và đoạn từ Quốc lộ 8 đến đường Hồ Chí Minh, tỉnh Hà Tĩnh	7952808	268/QĐ-BGTVT; 03/03/2022	1.075.758	226.000	130.000		20.000	60.000	50.000		
3	Dự án xây dựng đường Hàm Nghi kéo dài		3499; 22/10/2021	386.000	386.000	100.000	-	30.000	65.777	4.223		

STT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022	Đã bố trí kế hoạch năm 2023		
4	Đầu tư xây dựng Bảo tàng Hà Tĩnh	7596599	113/NQ-HĐND ngày 13/12/2018	240.862	240.862	105.000		1.000	-	45.000	
5	Đường Xuân Diệu kéo dài đoạn từ đường bao khu đô thị Bắc đến đường Ngô Quyền, thành phố Hà Tĩnh		1809; 31/8/2022	234.000	234.000	80.000	-	-	50.000	30.000	
6	Đường vành đai phía Đông, thành phố Hà Tĩnh		956; 09/5/2022	950.000	450.000	160.000	-	-	50.000	100.000	

Phụ lục 07: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH XDCB TẬP TRUNG BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA NĂM 2023 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao					Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2023			Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định	TMĐT				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng				Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2023 đến 30/9/2023	Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2023 đến 31/12/2023		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022	Đã bố trí kế hoạch năm 2023		
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)									
	TỔNG SỐ		6.261.432	1.530.261	748.036	4.731.170	65.000	42.500	54.000	241.000	32.000	63.000	65.000	69.000	
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC		6.261.432	1.530.261	748.036	4.731.170	65.000	42.500	54.000	241.000	32.000	63.000	65.000	69.000	
I	ĐÔ THỊ		2.800.271	590.624	382.720	2.209.647	33.000	22.000	22.000	105.000	10.000	29.500	33.000	32.500	
<i>1</i>	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>														
(1)	Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh (vay vốn WB)	2791/QĐ-UBND ngày 26/8/2020	1.239.119	283.079	141.539	956.040	13.000	13.000	13.000	40.000	5.000	11.500	13.000	10.500	
(2)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	2455/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	851.897	178.047	124.633	673.850	11.000			35.000	3.000	10.000	11.000	11.000	
(3)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	2749/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	709.255	129.499	116.548	579.757	9.000	9.000	9.000	30.000	2.000	8.000	9.000	11.000	
II	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		181.254	28.145	28.145	153.109	5.000	5.000	5.000	18.000	3.000	5.500	5.000	4.500	-
<i>1</i>	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023</i>														

TT	Dan h mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao					Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2023			Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2021-2025			Nhu cầu kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2024	Ghi chú	
		Số quyết định	TMĐT				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2023 đến 30/9/2023	Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2023 đến 31/12/2023		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022			Đã bố trí kế hoạch năm 2023
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh										
(1)	Dự án "tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Hà Tĩnh"	1190/QĐ-UBND ngày 04/5/2017; QĐ số 4291 ngày 31/12/2021	181.254	28.145	28.145	153.109	5.000	5.000	5.000	18.000	3.000	5.500	5.000	4.500	
III	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN		1.631.395	467.313	171.808	1.164.081	13.000	10.500	13.000	57.000	11.000	21.000	13.000	12.000	-
<i>1</i>	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023</i>														
(1)	Dự án "Cải thiện cơ sở hạ tầng cho các xã bị ảnh hưởng bởi ngập lụt của tỉnh Hà Tĩnh"	281/QĐ-TTg 01/3/2017; 35/QĐ-TTg 10/01/2018; 223/QĐ-TTg ngày 30/12/2021; 1315/QĐ-UBND 17/5/2017	667.800	333.900	60.102	333.900	6.000	6.000	6.000	25.000	6.000	13.000	6.000		
(2)	Dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập, tỉnh Hà Tĩnh (WB8).	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	484.300	25.425	25.425	458.875	500	500	500	7.000	2.500	4.000	500		
(3)	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (Dự án FMCR) tỉnh Hà Tĩnh	286/QĐ-BNN-HTQT, ngày 21/1/2019	479.295	107.988	86.281	371.306	6.500	4.000	6.500	25.000	2.500	4.000	6.500	12.000	
IV	GIAO THÔNG		1.378.583	391.011	114.474	987.571	10.000	5.000	10.000	40.000	6.000	7.000	10.000	5.000	
<i>1</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024</i>														
(1)	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án BIIG2	613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017; 562/QĐ-TTg 18/5/2018; 617/QĐ-UBND 28/02/2018; 1366/QĐ-UBND 19/5/2017	1.378.583	391.011	114.474	987.571	10.000	5.000	10.000	40.000	6.000	7.000	10.000	5.000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao					Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2023			Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2021-2025			Nhu cầu kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2024	Ghi chú	
		Số quyết định	TMĐT				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2023 đến 30/9/2023	Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2023 đến 31/12/2023		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022			Đã bố trí kế hoạch năm 2023
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)									
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh											
V	Y TẾ		269.930	53.168	50.889	216.762	4.000	-	4.000	21.000	2.000	-	4.000	15.000	
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024														
(1)	Dự án Cung cấp thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh sử dụng vốn vay của Chính phủ Hàn Quốc	Số 2209/QĐ-UBND ngày 07/8/2017; điều chỉnh số 726/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh	76.429	9.667	7.388	66.762	4.000		4.000	7.388	-	-	4.000	3.388	
(2)	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ số 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019	193.501	43.501	43.501	150.000	-	-	-	13.612	2.000			11.612	

Phụ lục 8: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSDP giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh				Tổng số	Trong đó:			
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023			
	TỔNG SỐ		4.664.713	2.962.129	2.472.464	2.948.546	2.768.546	263.436	490.748	561.491	1.086.334	
A	VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN					1.344.080	1.344.080	238.436	238.436	250.596	450.000	
B	VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ		4.664.713	2.962.129	2.472.464	1.604.466	1.424.466	25.000	252.312	310.895	636.334	
B.1	VỐN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ VÀ NHIỆM VỤ QUY HOẠCH CẤP TỈNH		70.270	12.000	34.332	30.000	30.000	-	3.600	17.275	9.125	
B.2	DỰ ÁN THUỘC CÁC NGÀNH, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH		3.440.943	1.864.629	2.259.007	726.892	626.892	24.000	210.712	153.495	165.209	
I	QUỐC PHÒNG		143.376	48.376	123.000	28.000	28.000	9.000	10.000	9.000	-	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>											
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Km49+900 - Km74+680 (đường Hồ Chí Minh vào Đồn 575, Bàn Giàng)	790/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 2840/QĐ-UBND ngày 25/9/2018; 1494/QĐ-UBND ngày	143.376	48.376	123.000	28.000	28.000	9.000	10.000	9.000		
II	AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI		26.000	26.000	20.000	23.400	23.400	-	10.000	10.000	3.400	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>											
1	Trụ sở làm việc Đội Tuần tra kiểm soát giao thông Quốc lộ 8A thuộc phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Tĩnh	1617; 08/08/2022	26.000	26.000	20.000	23.400	23.400		10.000	10.000	3.400	
III	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		93.800	78.804	-	85.000	85.000	-	-	-	50.000	
<i>a</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>											

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ trí từ KC đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSDP giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh				Tổng số	Trong đó:				
									Năm 2021	Năm 2022			Năm 2023
1	Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên	27/NQ-HĐND; 06/11/2021	93.800	78.804	-	85.000	85.000		-	-	50.000		
IV	VĂN HÓA, THÔNG TIN		14.850	14.850	13.365	13.365	13.365	-	11.891	1.474	-		
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>												
1	Xây dựng di tích Làng K130 xã Tiến Lộc (nay là thị trấn Nghèn)	3751; 18/11/2021	14.850	14.850	13.365	13.365	13.365		11.891	1.474	-		
V	PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN		55.000	49.500	35.000	49.500	49.500	-	10.000	25.000	14.500		
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>												
1	Số hóa, tin học hóa và phát sóng qua vệ tinh (giai đoạn 3)	1465; 19/7/2022	55.000	49.500	35.000	49.500	49.500		10.000	25.000	14.500		
VI	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI		124.616	92.000	38.000	82.800	82.800	-	13.000	25.000	28.300		
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>												
1	Xây dựng Trung tâm Hội nghị trực tuyến, Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm điều hành thông minh; nâng cấp sửa chữa Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh và một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật trong khuôn viên Trụ sở làm việc Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	27/NQ-HĐND; 06/11/2021	89.616	57.000	38.000	51.300	51.300		13.000	25.000	13.300		
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>												
1	Trung tâm chính trị huyện Kỳ Anh	27/NQ-HĐND; 06/11/2021	35.000	35.000	-	31.500	31.500		-	-	15.000		
VII	GIAO THÔNG		1.881.780	1.031.841	1.200.999	237.000	137.000	7.000	79.960	34.021	5.109		
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>												

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ từ KC đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSDP giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh				Tổng số	Trong đó:				
									Năm 2021	Năm 2022			Năm 2023
1	Nâng cấp tuyến đường ven biển Xuân Hội - Thạch Khê - Vũng Áng	QĐ số 1758/QĐ-UBND ngày 26/6/2017; 606/QĐ-UBND ngày 20/02/2020; 259/QĐ-UBND ngày 26/01/2022	1.495.780	645.841	1.100.999	30.000	30.000		13.981	-	5.109		
b	Dự án chuyển tiếp												
1	Dự án xây dựng đường Hàm Nghi kéo dài	3499; 22/10/2021	386.000	386.000	100.000	207.000	107.000	7.000	65.979	34.021	-		
VIII	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ		263.988	99.988	111.000	120.500	120.500	-	47.000	49.000	13.500		
a	Dự án hoàn thành												
1	Hạ tầng kỹ thuật khu vực cổng A, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, huyện Hương Sơn	3204; 31/10/2017	164.000	-	34.000	30.000	30.000		15.000	4.000	-		
b	Dự án chuyển tiếp												
1	Chỉnh trang, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Vũng Áng 1	945; 06/5/2022	41.488	41.488	32.000	37.500	37.500		12.000	20.000	5.500		
2	Xử lý ngập úng tại Khu công nghiệp Gia Lách, huyện Nghi Xuân	1005; 13/5/2022	58.500	58.500	45.000	53.000	53.000		20.000	25.000	8.000		
IX	DU LỊCH		56.000	56.000	1.000	50.400	50.400	-	-	-	50.400		
a	Dự án khởi công mới												
1	Quảng trường biển Cửa Sót Lộc Hà	269/NQ-HĐND; 18/3/2021 27/NQ-HĐND; 06/11/2021	56.000	56.000	1.000	50.400	50.400	-	-	-	50.400		
B.3	HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG, CẤP BÁCH, PHỤC VỤ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG		1.153.500	1.085.500	179.125	847.574	767.574	1.000	38.000	140.125	462.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ trí từ KC đến hết năm 2023	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSDP giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh				Tổng số	Trong đó:				
									Năm 2021	Năm 2022			Năm 2023
I	Dự án chuyển tiếp		1.033.500	965.500	179.125	754.600	674.600	1.000	38.000	140.125	402.000		
1	Đường huyện lộ ĐH56 đoạn qua xã Hòa Lạc, huyện Đức Thọ	955; 09/5/2022	87.000	55.000	47.000	78.500	78.500		32.000	15.000	20.000		
2	Đường giao thông trục chính nối các xã sát nhập xã Kim Hoa, huyện Hương Sơn	1827; 06/9/2022	82.500	82.500	27.500	55.000	55.000		2.500	25.000	27.500		
3	Đường Xuân Diệu kéo dài đoạn từ đường bao khu đô thị Bắc đến đường Ngô Quyền, thành phố Hà Tĩnh	1809; 31/8/2022	234.000	234.000	40.625	200.000	120.000		500	40.125	70.000		
4	Đường giao thông bảo vệ an ninh biên giới, kết hợp bảo vệ phát triển thác Vũ Môn và phát triển vùng, huyện Hương Khê (giai đoạn 1)	2760/QĐ-UBND; 31/12/2022	100.000	100.000	10.500	75.000	75.000		500	10.000	64.500		
5	Đường trục dọc Khu đô thị trung tâm thị xã Kỳ Anh	2762/QĐ-UBND; 31/12/2022	125.000	125.000	10.500	90.000	90.000		500	10.000	50.000		
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH36 (Chợ Đình - Quán Trại), huyện Can Lộc	2763/QĐ-UBND; 31/12/2022	100.000	100.000	10.500	60.000	60.000		500	10.000	45.500		
7	Cầu Hóp Chuối, thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang	2764/QĐ-UBND; 31/12/2022	120.000	84.000	11.500	76.000	76.000	1.000	500	10.000	64.500		
8	Trung tâm văn hóa truyền thông huyện Kỳ Anh	2753/QĐ-UBND; 30/12/2022	75.000	75.000	10.500	45.100	45.100		500	10.000	20.000		
9	Đường giao thông Huyện lộ ĐH.116, đoạn Mai Phụ - Ích Hậu, huyện Lộc Hà	762/QĐ-UBND; 04/4/2023	110.000	110.000	10.500	75.000	75.000		500	10.000	40.000		
II	Dự án khởi công mới		120.000	120.000	-	92.974	92.974	-	-	-	60.000		
1	Đường LX03 đoạn từ Thiên Cầm đến xã Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên	27/NQ-HĐND; 06/11/2021	120.000	120.000	-	92.974	92.974		-	-	60.000		

Phụ lục 9: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch năm 2024	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022	Đã bố trí kế hoạch năm 2023	Số còn lại giai đoạn 2024-2025		
	TỔNG SỐ		21.000	21.000	44.000	4.000	11.000	10.000	19.000	14.000	
I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		21.000	21.000	19.000	-	5.000	5.000	9.000	9.000	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Nhà ký túc xá học sinh, Trường Trung học phổ thông Chuyên Hà Tĩnh	1132; 02/6/2022	21.000	21.000	19.000		5.000	5.000	9.000	9.000	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				25.000	4.000	6.000	5.000	10.000	5.000	